

Giáo sư David Dapice

Giảng viên quốc tế

Chương trình Việt Nam tại trường Harvard Kennedy, Đại học Harvard

Đây là một hội nghị quan trọng và đúng thời điểm đối với Việt Nam. Chúng ta quy tụ về đây để tìm ra một lộ trình mà Việt Nam có thể sử dụng năng lượng để hỗ trợ phúc lợi cho người dân Việt Nam cho hiện tại và trong tương lai một cách thiết thực và bền vững. Trước khi đi vào cụ thể hơn, tôi xin được cảm ơn ban tổ chức, GIZ và Nhóm Đối tác Năng lượng Việt Nam VEPG vì đã tạo điều kiện cho chúng ta tụ họp tại đây và cảm ơn mời tôi lên phát biểu. Chúng ta sẽ thành công nếu chúng ta xác định các thách thức năng lượng trước mắt chúng ta và xác định các bước và chính sách cần thiết để khắc phục, giải quyết một cách nhanh chóng, hiệu quả và thực tế.

Vậy thách thức là gì? Về cơ bản, Việt Nam sử dụng nhiều năng lượng hơn để sản xuất một lượng điện năng nhất định và lượng này tăng nhanh hơn so với bất cứ nơi đâu. Sử dụng điện năng như một phép đo, từ năm 2005, Trung Quốc đã sử dụng 66% điện trở lên trong khi gấp đôi GDP thực tế, còn Việt Nam sử dụng 180% điện trở lên mới đạt mức gấp đôi GDP như thế. Việt Nam hiện có mức sử dụng điện bình quân đầu người giống với Trung Quốc (2500 kWh) trong năm 2008, vì vậy không phải là bắt đầu từ một mức thấp như vậy. Năm nay, mức sử dụng điện của Trung Quốc sẽ tăng lên 3% và mức sử dụng điện của Việt Nam tăng gần 10%. Chú ý rằng Trung Quốc có nhiều khu đô thị và công nghiệp hơn so với Việt Nam, và các yếu tố này có xu hướng làm gia tăng mức sử dụng điện. Ấn Độ có cùng mức GDP bình quân đầu người như Việt Nam nhưng lại có mức sử dụng điện bình quân đầu người thấp hơn một nửa. Indonesia gần như gấp đôi mức thu nhập bình quân đầu người nhưng cũng có mức sử dụng điện bình quân đầu người thấp hơn một nửa so với Việt Nam. Về năng lượng, từ năm 2010, Việt Nam tăng gần gấp đôi mức sử dụng điện trong khi Trung Quốc tăng 31% và Indonesia tăng chỉ 23%. Một thách thức là sử dụng năng lượng một cách thận trọng hơn giống như hầu hết khu vực ASEAN, Ấn Độ và Trung Quốc đều làm vậy – ít nhất là về sản xuất và thu nhập.

Không những điện được sử dụng quá nhiều so với những cái khác, mà sản xuất điện như thế nào và các kế hoạch gần đây về sản xuất nhiều điện hơn. Các kế hoạch trước đây phụ thuộc nhiều vào than để tăng sản lượng điện. Lí do là các khu

vực thủy điện đã quá cạn kiệt, trong khi khí gas lại quá đắt so với than. Hạt nhân thì không khả thi vì chi phí cao và các lí do khác. Năng lượng tái tạo như gió và mặt trời đóng một tỉ lệ nhỏ nhưng ngày càng có vai trò to lớn. Nhìn vào các xu hướng hiện tại, có thể quan sát thấy sự suy giảm mức sử dụng than trên toàn thế giới. Ở Trung Quốc, có sự gia tăng nhanh các nhà máy than mặc cho các tỉ lệ quá công suất và giảm sử dụng. Năm nay, về cơ bản, tổng mức tăng trưởng điện của Trung Quốc sẽ đến từ năng lượng tái tạo và khí gas. Các tỉnh xây dựng nhà máy than mà phớt lờ các kế hoạch của trung ương và mong muốn của cộng đồng. Đây là một công thức hủy hoại nền kinh tế và gây bất ổn chính trị, không phải là một mô hình nên nhân rộng. Ở Ấn Độ, khi đấu thầu điện mặt trời không trợ cấp ở mức 3-4 cent/kWh và thay thế cho điện đốt than, các dự án xây dựng nhà máy than đang được thu hẹp dần và các nhà máy đốt than đang xin trợ cấp. Ấn Độ dự kiến có hơn 200 GW điện năng lượng tái tạo (bao gồm cả thủy điện) trong vài năm tới. Chú ý rằng cả Trung Quốc và Ấn Độ đều có các vấn đề ô nhiễm nghiêm trọng do đốt than, và các nguồn khác, và cần cắt giảm đốt than vì sức khỏe cộng đồng và vì sự la ó của công chúng về không khí và nước nhiễm bẩn.

Tôi có thể nghe thấy sự phản đối của EVN rằng chủ trương của EVN là cung cấp điện giá rẻ và đáng tin cậy. Cũng tốt khi mua điện gió hoặc điện mặt trời ở mức giá 8-10 cent/kWh và bán lại ở mức 7 cent, đã bao gồm cả phân phối, khi đáng lẽ phải ở mức 10-12 cent giống như chương trình không trợ cấp và sử dụng năng lượng hiệu quả của Thái Lan đã làm. Trong tình hình hạn chế trợ cấp và thắt chặt các nguồn vốn nhà nước, họ phải cung cấp điện ở mức chi phí thấp nhất. Nhật Bản và Trung Quốc đã tung ra các gói cho vay ưu đãi để mua các nhà máy đốt than mới khi thừa công suất. EVN biết cách vận hành các nhà máy đốt than, có thể tắt hoặc mở nhà máy nếu cần thiết. Giờ đây họ thậm chí còn không thể truyền tải mức năng lượng mặt trời sản xuất được tới nơi cần. Nó sẽ cần các khoản đầu tư lớn để tăng cường và quản lý lưới điện quốc gia nhằm tích hợp được công suất điện mặt trời đang có và dự kiến cho cả mức tăng nhu cầu lớn hơn trong tương lai. Đây là khoản tiền mà họ không có.

Chúng ta đang nói về một vấn đề trọng tâm. Tại sao năng lượng tái tạo ở Việt Nam quá đắt so với các nước khác như Ấn Độ? Bởi vì EVN có một lưới điện yếu, nên EVN sẽ không ký hợp đồng để mua mức năng lượng tái tạo mà EVN có thể sản xuất. Nếu họ không thể cung cấp năng lượng tái tạo, họ sẽ bị phá sản khi mua điện mà họ không thể truyền tải đi để bán. Điều này có nghĩa là cần có mức giá cao để bù đắp cho rủi ro. Nếu lưới điện khỏe hơn, thì đã có thể thương lượng các hợp đồng tốt hơn (cho các đơn vị sản xuất) và các cuộc đấu giá sẽ làm giảm chi phí của

năng lượng mới xuống mức thấp hơn so với chi phí đốt than hoặc khí gas. Nguồn vốn quốc tế, với lãi suất cho vay thấp hơn và thời gian cho vay dài hạn so với thị trường vốn trong nước của Việt Nam, là yếu tố giúp triển khai năng lượng tái tạo giá rẻ. Nếu luật quy định việc xây lắp hoặc cải thiện lưới điện bằng vốn tư nhân và EVN có thể thương thảo việc thanh toán để truyền tải điện (có thể là 1 – 1,5 cent/kWh, sau đó giảm dần theo thời gian), thì nó sẽ khả thi về mặt kinh tế khi mua năng lượng tái tạo. Lazard, một ngân hàng đầu tư, đã công bố chi phí điện hàng năm từ nhiều nguồn năng lượng khác nhau trên phạm vi toàn thế giới. Trong báo cáo năm 2019 của Lazard, chi phí điện mặt trời là 3,2 đến 4,2 cent/kWh; điện gió từ 2,8 đến 5,4 cent; chi phí turbin khí chu trình hỗn hợp từ 4,4 đến 6,8 cent và than bắt đầu ở mức 6,6 cent và tăng lên trên 10 với các kiểm soát ô nhiễm đầy đủ. Nếu Việt Nam có thể đạt được mức chi phí tương tự như các quốc gia đang phát triển khác, thì Việt Nam có thể chuyển dịch sang hướng tăng năng lượng tái tạo và giảm sử dụng khí gas. Đây là hướng đi của Trung Quốc và Ấn Độ.

Trở ngại còn lại trong sử dụng năng lượng tái tạo là không hề nhỏ nhưng không phải là không khắc phục được. Năng lượng tái tạo không thể cứ cần là có – nó chỉ có khi trời có nắng hoặc khi có gió thổi. Tích trữ pin công suất lớn hiện không phải là giải pháp khả thi mặc dù chi phí đang giảm xuống. Giải pháp ở đây rất phức tạp nhưng vẫn có các mô hình. Một giải pháp là giới hạn công suất tích trữ pin trong vài giờ để ổn định lưới điện và nâng cao chất lượng điện. Tích trữ quy mô nhà máy (trong 4 giờ) với năng lượng mặt trời có thể giảm ở mức 10 cent/kWh và không quá 14 cent – thấp hơn so với các nhà máy đốt khí hoặc dầu diesel. Một giải pháp khác là phát triển lưới điện thông minh, để mà các nguồn khác có thể đáp ứng khi công suất năng lượng tái tạo giảm xuống. Khả năng đáp ứng của pin theo giây, của thủy điện theo phút và khí gas trong vài phút là có thể thực hiện được. Ấn Độ thấy rằng các nhà máy đốt than của Ấn Độ có khả năng điều chỉnh công suất, trong các giới hạn nhất định, để điều tiết phù hợp với điện mặt trời. Một giải pháp thứ ba là thương lượng sự cắt giảm nhu cầu trong thời gian ngắn. Trong trường hợp nào thì kinh nghiệm cho thấy là mức năng lượng tái tạo lên đến 20% tổng công suất điện có thể được tích hợp mà không cần đầu tư lớn cho quản lý lưới điện. Nếu nhiều hơn mức đó, thì cần một vài trong số các giải pháp vừa trình bày.

Việt Nam có cái may là đã có nhiều nghiên cứu nghiêm túc trong năm nay về nhiều trong số các vấn đề nêu trên, mặc dù vẫn còn nhiều việc nữa cần phải làm. Báo cáo Triển vọng Năng lượng Việt Nam 2019, do Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công thương và Cơ quan Năng lượng Đan Mạch hợp tác công bố, đã phân tích các vấn đề này. Một tài liệu quan trọng khác mang tên Năng lượng tái tạo

cho Việt Nam của Viện Sustainable Futures thuộc Đại học Công nghệ Sydney. Tài liệu này mô hình hóa các kịch bản khác nhau và nhận thấy rằng sự kết hợp giữa năng lượng truyền thống và năng lượng tái tạo là ít chi phí nhất, và một kế hoạch khiêm tốn hơn sử dụng giá thị trường hiện nay là trung hòa về chi phí so với Quy hoạch điện VII.

Cuối cùng, các tác nhân của thị trường mà định hướng các quyết định năng lượng đều mang tính chính trị. Tất cả các chính phủ thành công đều phải làm việc với tầng lớp trung lưu đang nổi dậy, đó là tầng lớp đang phàn nàn về ô nhiễm và yêu cầu các giải pháp tốt hơn. Ấn Độ, với các thành phố ô nhiễm nhất thế giới, đã lập ra Bộ Năng lượng tái tạo và đang đẩy nhanh tiến độ tích hợp các công suất năng lượng tái tạo rất lớn vào trong lưới điện của mình. Trung Quốc, như đã nói ở trên, đang cung ứng ngày càng nhiều năng lượng từ các nguồn không đốt than trong năm nay. Các nhà kinh tế có thể tính toán chi phí tài chính của than (7-8 cent/kWh ở Việt Nam) và ước tính chi phí ô nhiễm (2-3 cent ô nhiễm cục bộ theo ước tính của tôi), vì vậy tổng chi phí của than là 10 cent – còn chưa tính đến cacbon dioxide. Các nguồn khác nên và có thể thấp hơn. Thậm chí, chi phí trong tương lai của các nguồn năng lượng sạch hơn này đang giảm xuống. Trong 3 – 5 năm nữa, để xây dựng một nhà máy than, còn tốn ít chi phí hơn so với bây giờ.

Một suy nghĩ cuối cùng về tính khả thi kinh tế: Việt Nam đã phát triển phồn thịnh khi hội nhập kinh tế thế giới. Việt Nam đã gia nhập WTO và nhiều điều ước mậu dịch khu vực và đồng ý tuân theo các quy định tương ứng. Tôi tin rằng chi phí ngày càng gia tăng của tình trạng ấm lên toàn cầu khi có ngập lụt, hỏa hoạn, hạn hán, và mực nước biển dâng sẽ buộc phải có hành động quốc tế để cắt giảm cacbon trong thập kỷ tiếp theo. Các công ty bảo hiểm đã cắt giảm phạm vi bảo hiểm, làm cho nhiều khoản đầu tư trở nên rủi ro hơn. Có thể là hành động này sẽ được triển khai dưới dạng thuế cacbon, được thu và sử dụng trong nước. Nếu một quốc gia không tham gia hoạt động này, thì có thể sẽ chịu thuế xuất khẩu. Các nhà đầu tư đang thấy được điều này và đó là lí do tại sao hầu hết các ngân hàng và nhà đầu tư phương tây không còn quan tâm đến việc rót vốn vào than. Khí thiên nhiên hóa lỏng hay khí gas ngoài khơi khi cần cũng có thể bị làm quá. Một nhà máy phát điện sẽ tồn tại trong 20 – 40 năm. Cả Trung Quốc và Ấn Độ (và Mỹ và EU) đều đang thấy rằng các nhà máy than mới đi vào hoạt động cũng đang mất dần khả năng cạnh tranh và trở thành tài sản bị mất giá. Nhiều nhà máy đã đóng cửa hoặc vận hành ít hơn, làm gia tăng chi phí điện cho đơn vị. (Vốn cố định và chi phí bảo trì tăng theo mỗi kWh nếu mức sử dụng giảm xuống). Trên thị trường đấu giá còn tàn khốc hơn. Đây là lí do tại sao các nhà máy Ấn Độ phụ thuộc vào than đang gặp vấn

đề. Khi giá năng lượng tái tạo và giá tích trữ tiếp tục giảm, và thuế các-bon được triển khai, các dự án đầu tư than sẽ là lỗi lầm đáng giá vài tỉ đô – không thể cạnh tranh được. Dù trên một nền tảng tài chính thuần túy, và bỏ qua áp lực của nhà nước và sức khỏe người dân, đây sẽ vẫn là một đòn giáng mạnh đối với Việt Nam.

Với tất cả các cân nhắc, xem xét nêu trên, chúng ta có thể hiểu được tại sao hội nghị này lại quan trọng như vậy. Chúng ta phải tìm ra cách để khuyến khích năng lượng bền vững, sạch, đáng tin cậy và ở mức giá rẻ cho người dân Việt Nam. May mắn là, có các mô hình – từ các chương trình bảo tồn ở Trung Quốc đến tích hợp lưới điện năng lượng tái tạo ở Ấn Độ, đến các gói cho vay đối với năng lượng sạch từ nhiều nguồn. Chúng ta đang đi đúng hướng khi chi phí năng lượng sạch và chi phí tích trữ giảm xuống, kể cả chi phí này có thể tăng do các nguồn các-bon. Cụ thể chi tiết hơn thế nào thì tôi mong đợi vào những ngày làm việc tiếp theo của hội nghị.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trường hợp có sự sai khác giữa văn kiện phát biểu này và nội dung phát biểu thực tế, thì nội dung phát biểu thực tế sẽ được ưu tiên.